

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 449/2015/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về quy định phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò
đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG

ĐẾN	Số: 2278
	Ngày: 29/7/2015
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 51/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Mức thu

Thực hiện theo Biểu mức thu đính kèm nghị quyết này.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Cơ quan thu phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân nơi trực tiếp thu phí.

Điều 2. Thời gian thực hiện

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua và thay thế Nghị quyết số 24/2007/NQ-HĐND ngày 11/01/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Danh mục phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Website Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh và tương đương;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT, laluc.

**KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



Handwritten signature
Lưu Thị Ngọc Strong



**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ
ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m ³ /ngày đêm	Đồng/báo cáo	400.000
2	Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng từ 200 m ³ đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	Đồng/báo cáo	1.400.000
3	Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	Đồng/báo cáo	3.400.000
4	Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Đồng/báo cáo	6.000.000
5	Trường hợp thẩm định gia hạn, bổ sung áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định tại khoản 1; 2; 3; 4 nêu trên		